

Bản án số: 258 /2020/ HN-ST

Ngày: 10-12-2020

“V/v Ly hôn giữa bà K và ông D”

NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **HUỲNH VĂN DŨNG**

2. Ông **NGUYỄN VĂN TÁM**

- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên
tòa: Không tham gia.

Trong ngày 10 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 566/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **HỒ THỊ K**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: tổ A, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông **ĐINH VĂN D**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp H, xã G, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Bà K, ông D có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Hồ Thị K trình bày:** Do quen biết bà và ông D tổ chức lễ cưới năm năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hai người đã ly thân từ năm 2011 đến nay.

Con chung: Có 02 con chung là Đinh Thị M sinh ngày 25/6/1996 và Đinh Hồ M1 sinh ngày 29/7/2007 hiện đang sống cùng bà K.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông D. Con chung Đinh Thị M đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết, còn cháu Đinh Hồ M1 bà yêu cầu nuôi, yêu cầu ông D phải cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000đồng.

Tại phiên tòa, bà K yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Đinh Hồ Hà My, đồng ý mức cấp dưỡng nuôi cháu M1 mỗi tháng 1.000.000đồng theo sự tự nguyện của ông D. Về tài sản chung trước đây vợ chồng đã phân chia xong nên không có tranh chấp.

- Bị đơn ông Đinh Văn Đạt từ tự khai, biên bản hòa giải trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của bà K về quá trình tiến đến hôn nhân, chung sống, con chung, nợ chung. Ông cũng đồng ý ly hôn bà K. Con chung chưa thành niên cháu Đinh Hồ M1 đồng ý để bà K tiếp tục nuôi dưỡng, ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con vì khi ly thân tài sản chung đã cho vợ con. Tài sản chung có nhưng không tranh chấp.

Tại phiên tòa, ông D đồng ý để bà K tiếp tục nuôi cháu Đinh Hồ M1, ông sẽ cấp dưỡng nuôi cháu M1 mỗi tháng 1.000.000đồng. Tài sản chung thống nhất lời trình bày của bà K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà K và ông D đã có thời gian tìm hiểu nhau trước khi xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1994. Trong quá trình chung sống giữa ông bà có phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2011 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án ông bà thống nhất ly hôn nhau. Tuy nhiên, do ông bà chung sống với nhau dù có đủ điều kiện để thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật nhưng vẫn không thực hiện do đó Hội đồng xét xử căn cứ theo qui định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà K và ông D là vợ chồng.

[2] Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Đinh Thị M sinh ngày 25/6/1996 và Đinh Hồ M1 sinh ngày 29/7/2007 hiện nay sống cùng bà K. Xét thấy con chung Đinh Thị M đã thành niên nên không đặt ra xem xét giải quyết. Đối với cháu Đinh Hồ M1 đang được bà K nuôi dưỡng, cháu vẫn phát triển bình thường. Ông bà thống nhất tiếp tục để cháu My cho bà K nuôi dưỡng. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung nên Hội đồng xét xử xem xét tiếp tục giao con chung Đinh Hồ M1 cho bà K nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa bà K và ông D thống nhất mức cấp dưỡng cho cháu M1 mỗi tháng là 1.000.000đồng. Xét thấy, nghĩa vụ cấp dưỡng là trách nhiệm của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con đối với con chung sau ly hôn. Các bên đương sự cũng thống nhất được mức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Đây là quyền định đoạt của đương sự phù hợp điều 116 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà K và Ông D trình bày có nhưng đã thỏa thuận phân chia trước đó xong nên không tranh chấp. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm khi giải quyết vụ án ly hôn; ông D phải chịu án phí phần nghĩa vụ cấp dưỡng theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 482 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Hồ Thị K và ông Đinh Văn D là vợ chồng.

2. Về con chung:

2.1. Tiếp tục giao con chung tên Đinh Hồ M1, sinh ngày 29/7/2007 cho bà Hồ Thị K nuôi dưỡng.

2.2. Ông Đinh Văn D cấp dưỡng nuôi cháu M1 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu My tròn 18 tuổi.

Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

2.3. Đối với con chung Đinh Thị M, sinh ngày 25/6/1996 đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Bà Hồ Thị K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004069 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

Ông Đinh Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm phần nghĩa vụ cấp dưỡng.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Bản án, quyết định về cấp dưỡng được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

4.2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bà K có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông D chậm thi hành đối với số tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4.3. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

TRẦN TÚ ANH

